

H, ngày 24 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhân sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961

Địa chỉ: tổ 3, khu phố 5, phường Tr, thành phố B, Đồng Nai

Bị đơn: - Ông Nguyễn Hữu M (Nguyễn Văn M), sinh năm 1962

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn S, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa .

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngo Thi Nh, sinh năm 1995

Đại chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2.Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nguồn gốc và diện tích đất tranh chấp:

Năm 1994, gia đình bà Nguyễn Thị M được cấp đất tổng diện tích đất Nông nghiệp là 2.429m² (trong đó có 393m² đất 5%). Năm 2002, gia đình bà M đi miền Nam làm ăn, có bán cho gia đình ông Nguyễn Hữu M, bà Lê Thị G toàn bộ đất ở, nhà ở và các tài sản trong nhà với giá 34.000.000đ. Ngoài ra, gia đình bà M còn cho gia đình ông Nguyễn Hữu M, bà Lê Thị G mượn toàn bộ diện tích đất nông nghiệp để canh tác. Do đất 5% giáp với đất ở đã bán nên bà M cho và không yêu cầu ông M, bà G phải trả lại. Hai bên thống nhất diện tích đất tranh chấp là toàn bộ đất nông nghiệp (trừ đất 5%) được cấp cho gia đình bà M năm 1994, gia đình ông M, bà G canh tác từ năm 2002 đến nay, cụ thể bao gồm:

- Đồng Giữa (Đồng tâm nội đô), diện tích 330m² thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 45 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2015.

- Đồng Khẩu Thủy, diện tích 199,6m² thuộc thửa 212, tờ Bản đồ số 34, Bản đồ địa chính xã P đo đạc năm 2015;
- Đồng Hón Mạ, diện tích 166,4m², thuộc thửa 576, tờ bản đồ số 34 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2015.
- Đồng Hón, diện tích 279,6m², thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 39 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2015.
- Đồng Dộc bể cao, diện tích 236,1m², thuộc thửa số 245, tờ Bản đồ số 34 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2015.
- Dộc bể sâu, diện tích 196,6m², thuộc thửa 517, tờ Bản đồ số 34 Bản đồ địa chính xã P đo đạc năm 2015.

Tổng diện tích đất đang tranh chấp là 1.968,3m² đất nông nghiệp.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận:

- Bà Nguyễn Thị M cho ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị G được toàn quyền sở hữu quyền sử dụng đất đối với phần đất 330m² thuộc thửa số 63, tờ bản đồ số 45 Bản đồ địa chính xã P lập năm 2015 tại Đồng Giữa (Đồng tôm nội đê),

- Ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị G phải trả lại cho bà Nguyễn Thị M toàn sở hữu quyền sử dụng đất tại các xứ đồng cụ thể như sau: Đồng Khẩu Thủy, diện tích 199,6m² thuộc thửa 212, tờ Bản đồ số 34; Đồng Hón Mạ, diện tích 166,4m², thuộc thửa 576, tờ bản đồ số 34; Đồng Hón, diện tích 279,6m², thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 39; Đồng Dộc bể cao, diện tích 236,1m², thuộc thửa số 245, tờ Bản đồ số 34; Dộc bể sâu, diện tích 196,6m², thuộc thửa 517, tờ Bản đồ số 34, Bản đồ địa chính xã P đo đạc năm 2015. Tổng diện tích là 1.638,3m².

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu M và bà Lê Thị G phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0009937 ngày 15/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân

